CỤM NBHL
LẦN THI CHUNG THỨ HAI

Mã đề: 108

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT
Năm học 2019 - 2020
MÔN: Địa lí
Thời gian làm bài: 50 phút
(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm, 04 trang)

Câu 41: Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết các cánh cung ở nước ta xếp theo thứ tự từ Tây sang Đông lần lượt là
A. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều. **B.** Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.
C. Bắc Sơn, Ngân Sơn, Đông Triều, Sông Gâm. **D.** Ngân Sơn, Bắc Sơn, Sông Gâm, Đông Chiều.

Câu 42: Nghề làm muối các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ phát triển mạnh là do
A. nắng nhiều, nền nhiệt thấp, ít sông lớn. **B.** nền nhiệt cao, nhiều cửa sông đổ ra biển.
C. nhiệt độ cao, ít cửa sông lớn đổ ra biển. **D.** nền nhiệt thấp, nhiều cửa sông đổ ra biển.

Câu 43: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây có lễ hội truyền thống?
A. Bát Tràng. **B.** Yên Tử. **C.** Tân Trào. **D.** Vạn Phúc.

Câu 44: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết khu vực nào của nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão?
A. Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. **D.** Nam Trung Bộ.

Câu 45: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Là vùng trọng điểm thứ hai của cả nước về lương thực, thực phẩm.
B. Có một mùa đông lạnh do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C. Phần lớn diện tích là đồng bằng, đồi núi phân bố chủ yếu ở phía đông.
D. Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, có trình độ thâm canh cao.

Câu 46: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết Đồng bằng sông Hồng **không** tiếp giáp với vùng nào sau đây?
A. Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Vịnh Bắc Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 47: Dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí chủ yếu do tác động của
A. sự phát triển kinh tế, các nhân tố tự nhiên. **B.** quá trình định cư, trình độ dân trí, số dân.
C. các nhân tố về xã hội, cơ cấu nền kinh tế. **D.** vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, tài nguyên.

Câu 48: Hoạt động ngoại thương của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do
A. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.
B. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
C. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
D. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.

Câu 49: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh thành nào sau đây **không** giáp biển Đông?
A. Ninh Bình. **B.** Nam Định. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bắc Cạn.

Câu 50: Đặc điểm nào **không** đúng với đô thị hóa ở nước ta?
A. Tỉ lệ dân thành thị tăng. **B.** Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.
C. Trình độ đô thị hóa rất thấp. **D.** Phân bố đô thị không đều giữa các vùng.

Câu 51: Đâu **không** phải là biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở miền núi?
A. Làm ruộng bậc thang **B.** Trồng cây theo băng.
C. Đào hố vẩy cá **D.** Chống nhiễm phèn, nhiễm mặn.

Câu 52: Biểu hiện của quá trình xâm thực vùng núi đá vôi nước ta là
A. địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn. **B.** hang động, suối cạn, thung khô.
C. đất trượt, đá lở, lũ ống, lũ quét. **D.** các đồi thấp xen thung lũng rộng.

Câu 53: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60%?
A. Kon Tum, Lâm Đồng **B.** Thanh Hóa, Quảng Bình

C. Tuyên Quang, Hà Giang **D.** Nghệ An, Quảng Bình

Câu 54: Cho bảng số liệu:

Diện tích và dân số của một số tỉnh năm 2018

Tỉnh	Thái Bình	Phú Yên	Kon Tum	Đồng Tháp
Diện tích *(km²)*	1586	5023	9674	3384
Dân số *(nghìn người)*	1793	910	535	1693

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các tỉnh năm 2018?

A. Đồng Tháp cao hơn Thái Bình. **B.** Kon Tum thấp hơn Phú Yên.

C. Kon Tum cao hơn Đồng Tháp. **D.** Thái Bình thấp hơn Phú Yên.

Câu 55: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào có chế độ nước chênh lệch giữa tháng lũ và tháng cạn lớn nhất?

A. Hệ thống sông Hồng. **B.** Hệ thống sông Mê Kông.

C. Hệ thống sông Đà Rằng. **D.** Hệ thống sông Kì Cùng.

Câu 56: Ở nhiều nơi của vùng biển phía Nam nước ta, hoạt động du lịch biển diễn ra được trong suốt cả năm, chủ yếu là nhờ

A. địa hình ven biển đa dạng. **B.** gió mùa thổi trong năm.

C. nền nhiệt cao quanh năm. **D.** sinh vật phong phú, đa dạng.

Câu 57: Đâu **không** phải là phân ngành của công nghiệp năng lượng?

A. Dầu khí. **B.** Cơ khí. **C.** Thủy điện. **D.** Than.

Câu 58: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Nghệ An. **B.** Quảng Bình. **C.** Quảng Trị. **D.** Hà Tĩnh.

Câu 59: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đai ôn đới gió mùa trên núi do

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông nhiệt độ hạ thấp.

B. ở gần khu vực ngoại chí tuyến có cả khí hậu cận nhiệt và ôn đới.

C. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di lưu và di cư đến.

D. có những núi trên 2600m tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn.

Câu 60: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết ngành nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2007?

A. Lâm nghiệp. **B.** Lâm nghiệp và thủy sản.

C. Nông nghiệp. **D.** Thủy sản.

Câu 61: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không** thuộc ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Chân Mây - Lăng Cô. **B.** Dung Quất. **C.** Nhơn Hội. **D.** Vân Phong.

Câu 62: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất?

A. Phúc Yên. **B.** Hải Phòng. **C.** Hà Nội. **D.** Việt Trì.

Câu 63: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết sông Cả đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

A. Cửa Hội. **B.** Cửa Gianh. **C.** Cửa Tùng. **D.** Cửa Nhượng.

Câu 64: Biện pháp hợp lí để khai thác hiệu quả tài nguyên sinh vật biển ở nước ta là

A. đóng cửa các bãi tắm biển để nuôi trồng thuỷ, hải sản.

B. chỉ sử dụng phương tiện đánh bắt có tính chất huỷ diệt ở xa bờ.

C. cấm không được khai thác gần bờ để bảo vệ nguồn thuỷ hải sản.

D. tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ, phát triển đánh bắt xa bờ.

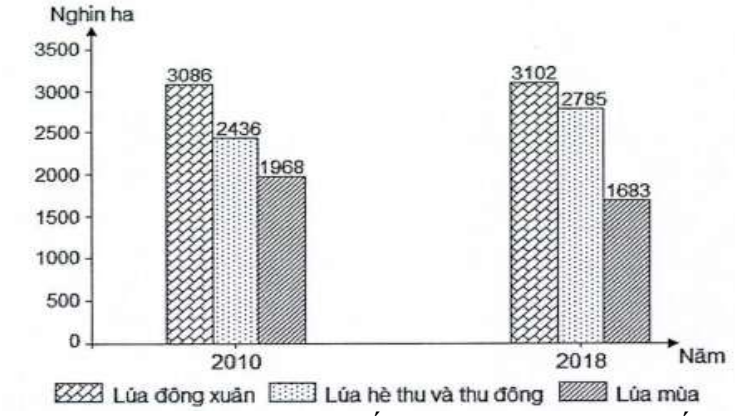
Câu 65: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

A. Máy móc, thiết bị, phụ tùng. **B.** Thủy sản.

C. Hàng tiêu dùng. **D.** Nguyên, nhiên, vật liệu.

Câu 66: Cho biểu đồ:

Diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2010 và năm 2018



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

A. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.
B. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.
C. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.
D. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.

Câu 67: Năng suất lao động trong ngành đánh bắt thủy sản nước ta còn thấp do

A. người dân thiếu kinh nghiệm đánh bắt.
B. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.
C. nguồn lợi cá đang bị suy giảm.
D. phương tiện đánh bắt còn lạc hậu, chậm đổi mới.

Câu 68: Ngành giao thông vận tải đường sông nước ta có tốc độ phát triển còn chậm là do

A. sự thay đổi thất thường về luồng lạch.
B. nguồn hàng cho vận tải đường sông ít.
C. sự thất thường về chế độ nước theo mùa.
D. phương tiện vận tải đường sông hạn chế.

Câu 69: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc nên

A. nền nhiệt độ cao, cán cân bức xạ quanh năm dương.
B. có nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật quý giá.
C. có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt theo độ cao địa hình.
D. khí hậu phân hóa thành hai mùa mưa khô rõ rệt.

Câu 70: Mặc dù nước ta có 3/4 diện tích lãnh thổ là đồi núi, nhưng tính chất nhiệt đới vẫn được bảo toàn, nguyên nhân là do

A. chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc
B. chịu tác động của gió mùa Tây Nam.
C. địa hình phân hóa đa dạng theo độ cao.
D. phần lớn địa hình nước ta là đồi núi thấp.

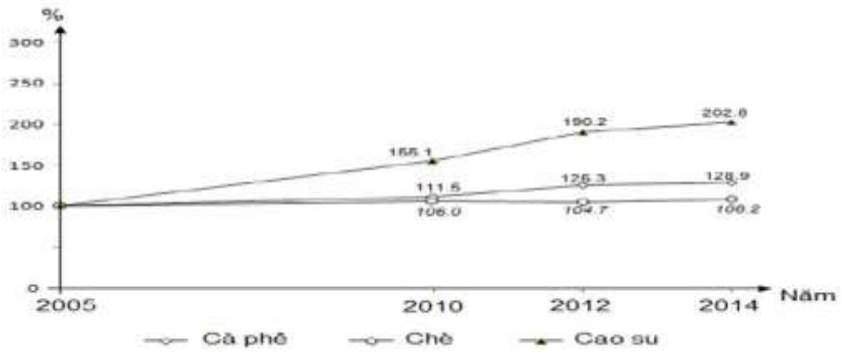
Câu 71: Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta nhờ

A. vùng biển rộng, thềm lục địa nông.
B. nhiều ngư trường trọng điểm.
C. nhiều bãi triều, diện tích mặt nước lớn.
D. điều kiện khí hậu ổn định.

Câu 72: Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu của Đông Nam Bộ cần

A. phát triển kinh tế biển.
B. đẩy mạnh đầu tư vốn, công nghệ.
C. khai thác tối đa nguồn dầu mỏ của vùng.
D. thu hút mạnh nguồn lao động có trình độ.

Câu 73: Cho biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
B. Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
C. Quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
D. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

Câu 74: Tiềm năng to lớn của Tây Nguyên để phát triển cây công nghiệp lâu năm là

A. đất badan và khí hậu cận xích đạo.
B. hai mùa mưa khô và giống cây tốt.
C. nhiều sông suối và cánh rừng rộng.
D. nhiều cao nguyên và núi đồi thấp.

Câu 75: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho sông ngòi nước ta có tổng lưu lượng nước lớn?

A. Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.
B. Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.
C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.
D. Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 76: Khó khăn đối với việc mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. đất đai thường xuyên bị rửa trôi, xói mòn, lũ quét, lũ ống.
B. tình trạng rét đậm, rét hại, sương muối và thiếu nước về mùa đông.
C. dân cư thưa thớt, thiếu lao động, trình độ lao động còn nhiều hạn chế.
D. địa hình núi cao hiểm trở khó canh tác, thiếu nước về mùa đông.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017

Năm	**2010**	**2014**	**2015**	**2017**
Diện tích *(nghìn ha)*	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng *(nghìn tấn)*	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền. **B.** Tròn. **C.** Đường. **D.** Kết hợp.

Câu 78: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị dưới đây?

A. Quy Nhơn. **B.** Đà Nẵng. **C.** Thanh Hóa. **D.** Nha Trang.

Câu 79: Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét chủ yếu là do

A. phát triển nuôi trồng thủy sản.
B. hình thành các vùng lúa thâm canh.
C. thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
D. đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ.

Câu 80: Mùa mưa ở miền Trung đến muộn hơn so với cả nước do tác động của

A. bão đến tương đối muộn so với miền Bắc.
B. các dãy núi đâm ngang ra biển.
C. gió phơn Tây Nam khô nóng vào đầu mùa hạ.
D. frông lạnh vào thu - đông.

---------- HẾT ----------

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.